

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024 /HNGĐ-ST  
Ngày: 26/4/2024  
“V/v ly hôn và con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Dương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Tập.
2. Ông Bùi Trọng Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1017/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thùy T – Sinh năm 1994 (vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã E, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu D – Sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã E, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày có nội dung như sau:

Tôi (Nguyễn Thị Thùy T) và anh Nguyễn Hữu D tìm hiểu và tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã E, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/10/2014.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu tôi và anh Nguyễn Hữu D chung sống hạnh phúc, sau đó chúng tôi phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp nhau. Mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Hữu D.

Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Hữu D có hai con chung là cháu Nguyễn Hữu D1 – Sinh ngày 08/12/2015 và Nguyễn Hữu D2 – Sinh ngày 14/9/2018. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Nguyễn Hữu D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và anh Nguyễn Hữu D tự thỏa thuận phân chia, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu D, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông Nguyễn Hữu D không tham gia tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.**

**3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:**

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T. Chấp nhận bà Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu D.

Về con chung: Chấp nhận giao hai con chung là cháu Nguyễn Hữu D1 – Sinh ngày 08/12/2015 và Nguyễn Hữu D2 – Sinh ngày 14/9/2018 cho bà Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18

tuổi). Bà Nguyễn Thị Thùy T không yêu cầu ông Nguyễn Hữu D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hữu D, có địa chỉ cư trú tại Thôn D, xã E, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Hữu D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do lần thứ hai, nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Hữu D đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/10/2014. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Hữu D xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp nhau. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Hữu D.

Kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Hữu D kết hôn và chung sống tại Thôn D, xã E, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, giữa bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Hữu D phát sinh mâu thuẫn như thế nào, nguyên nhân vì sao thì địa phương không nắm được do bà T và ông D không yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải. Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Hữu D có hai con chung là cháu Nguyễn Hữu D1 – Sinh năm 2015 và Nguyễn Hữu D2 – Sinh năm 2018. Nay bà Nguyễn Thùy T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Hữu D thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Hữu D đến Tòa án để làm việc nhưng ông Nguyễn Hữu D không đến Tòa án làm việc, không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn, Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Hữu D là không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy T xin ly hôn với ông Nguyễn Hữu D, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Hữu D có hai con chung là cháu Nguyễn Hữu D1 – Sinh ngày 08/12/2015 và Nguyễn Hữu D2 – Sinh ngày 14/9/2018. Bà Nguyễn Thị Thùy T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn Hữu D đều vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến nguyện vọng gì đối với việc nuôi dưỡng con chung. Mặt khác cháu Nguyễn Hữu D1 cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ (bà Nguyễn Thị Thùy T). Do đó vì quyền lợi cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định tâm sinh lý của trẻ, cần giao hai con chung cháu Nguyễn Hữu D1 và cháu Nguyễn Hữu D2 cho bà Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T không yêu cầu ông Nguyễn Hữu D có nghĩa vụ cấp dưỡng để nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy T đối với ông Nguyễn Hữu D.**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu D.

Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Hữu D1 – Sinh ngày 08/12/2015 và cháu Nguyễn Hữu D2 – Sinh ngày 14/9/2018 cho bà Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Nguyễn Hữu D, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T không yêu cầu ông Nguyễn Hữu D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0004474 ngày 04 tháng 12 năm 2023 (do Trần Tuấn A nộp thay).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
  - VKSND tỉnh Đắk Lắk;
  - VKSND TP.BMT;
  - CCTHADS TP.BMT;
  - UBND xã E, TP.BMT
- (GCN kết hôn số 186/2014, quyển số 01/2014 ngày 24/10/2014)
- Các đương sự;
  - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Duy Dương**